|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Trảng Bàng, ngày tháng 11 năm 2020* |

DỰ THẢO

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí**

**nông thôn mới xã Phước Chỉ**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phước Chỉ tại Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 28/10/2020 về việc thẩm tra, đề nghị, xét công nhận xã Phước Chỉ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Chỉ, Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng báo cáo thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới xã Phước Chỉ năm 2020*,* cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian, nội dung thẩm tra ***(từ ngày 16/04/2020 đến ngày 09/11/2020):***

**1. Về hồ sơ:** Hồ sơ của UBND xã Phước Chỉ đầy đủ theo quy định, cụ thể:

**-** Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 28/10/2020 về việc thẩm tra, đề nghị, xét công nhận xã Phước Chỉ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

- Báo cáo số 158/BC-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Chỉ.

- Biểu tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

- Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 27/10/2020 của UBND xã Phước Chỉ về việc tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2020 của xã Phước Chỉ.

- Biên bản cuộc họp ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ đề nghị, xét công nhận xã Phước Chỉ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

- Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phước Chỉ về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Chỉ.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới (có phụ lục 1 kèm theo)**

**2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu như sau:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời gian.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***\* Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:***

***+*** Ban chỉ đạo xây dựng NTM xác định việc lập đồ án quy hoạch là cơ sở định hướng trong quá trình xây dựng hạ tầng, bố trí dân cư và phát triển sản xuất theo 19 tiêu chí, do đó đã mời đơn vị tư vấn có năng lực phối hợp cùng các ngành huyện và các ấp triển khai công tác quy hoạch, đồng thời tổ chức lấy ý kiến, tham vấn ngành chuyên môn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.

+ Trước và sau khi có các quy hoạch chung, Ban quản lý xây dựng NTM xã đã tổ chức họp dân công bố quy hoạch, phổ biến đến các ấp, trưng bày các bản vẽ quy hoạch đã được phê duyệt tại 12 địa điểm văn phòng ấp làm cơ sở để người dân, tổ chức an tâm thực hiện phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

+ Tổ chức xác định việc cắm mốc quy hoạch, quản lý xây dựng hạ tầng và phát triển sản xuất theo quy hoạch, tham mưu trình UBND huyện *(nay là UBND thị xã)* ban hành Quy định quản lý quy hoạch được duyệt.

***\* Khối lượng thực hiện:***

- Đồ án quy hoạch được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số: 7289/QĐ-UBND ngày 09/11/2012. Quy định quản lý theo đồ án quy Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Chỉ được UBND huyện *(nay là UBND thị xã)* Ban hành kèm theo quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 25/3/2013. UBND xã đã tổ chức công khai Đồ án quy hoạch ở 12 địa điểm, thời gian công khai trên 60 ngày. Đề án quy hoạch được UBND huyện *(nay là UBND thị xã)* phê duyệt theo Quyết định số 7301/QĐ-UBND ngày 13/12/2013; Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng nông thôn mới xã Phước Chỉ giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 7301/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay thị xã). Sau khi được phê duyệt, thì ủy ban nhân dân xã tổ chức thuê tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, công khai rộng rãi đến các cơ quan, tổ chức, niêm yết, phổ biến rộng rãi để nhân dân biết, bàn bạc tổ chức thực hiện từng nội dung, mô hình.

- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt, cụ thể như sau:

***+ Đường liên xã:*** 06 cột móc*(đường An Thạnh Trà Cao, điểm đầu giáp Bình Thạnh, điểm cuối cầu ngã Ba, chiều dài 2.6km, lộ giới 30m, cấm 3 mốc và tuyến đường Phước Thuận, chiều dài 1.83km, lộ giới 20m, cấm 3 mốc).*

**+ Đường khu trung tâm xã:** 18 cột móc*(đường đình Ông, điểm đầu Giáp đường ATTC, điểm cuối giáp đình Ông, dài 0.755km, lộ giới 16m, cấm 9 mốc.*

*- Đường kênh chính Trạm Bơm, điểm đầu Trạm bơm, điểm cuối giáp đường 786, lộ giới 20m, chiều dài 1.8km, cấm 9 mốc).*

**+ Đường khu dân cư trong xã:** 36 cột móc*(Đường nhánh Phước Dân 1, dài 0.3km, lộ giới 16m, cấm 9 mốc; đường Hương Lộ 8, dài 6.8km, lộ giới 30m, cấm 9 mốc; đường nhánh Phước Dân 2, daì 0.34km, lộ giới 16m, cấm 9 mốc; đường nhánh Phước Hưng 1 + 2, dài 0.63km, lộ giới 16m, cấm 9 mốc)*

- Ngoài ra, UBND xã đã tổ chức rà soát điều chỉnh đồ án quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới trình cấp trên phê duyệt và được UBND huyện Trảng Bàng ra quyết định số: 5455/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 19/08/2020 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng NTM của UBND thị xã Trảng Bàng.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:*** 348,74 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 300 triệu đồng, ngân sách địa phương 48,74 triệu đồng*).

 ***d. Kết quả thẩm tra:***

- Kết quả quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng, thuận lợi là đồ án quy hoạch được bố trí dựa trên tình hình thực tiễn, điều kiện phát triển từng vùng trong phạm vi xã, được nhân dân đồng thuận, phát triển hạ tầng, sản xuất đúng định hướng quy hoạch được duyệt.

- So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 1 về quy hoạch: Đạt, được Sở Xây dựng thẩm định đạt tại Công văn số 3337/SXD-QHPTĐT ngày 14/10/2020.

**2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 04 chỉ tiêu như sau:***

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%

- Đường trục ấp, liên ấp ít nhất được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 100%

- Đường ngõ, xóm (đường dân sinh) sạch, không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100% (trong đó có ít nhất 30% được cứng hóa)

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm, đạt 100% (trong đó có ít nhất 30% được cứng hóa)

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:*** Trong quá trình triển khai thực hiện tiêu chí giao thông, địa phương xác định đây là một tiêu chí khó thực hiện, đòi hỏi phải có những giải pháp hiệu quả, đồng bộ nhằm huy động tốt các nguồn lực xã hội, sự chung tay góp sức của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tôn giáo, doanh nghiệp và nguồn ngân sách đầu tư của cấp trên để xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn, vừa đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí xây dựng NTM, đồng thời là một trong những điều kiện, tiền đề quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Qua 10 năm thực hiện, địa phương đã không ngừng nỗ lực thực hiện, thông qua các cách thức như sau:

+ Trước hết quán triệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên; tuyên truyền, định hướng cho nhân dân với nhiều hình thức, nội dung cụ thể. Nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong phong trào phát triển hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn xã.

+ Đối với trục đường ấp, liên ấp mà khả năng huy động sức dân không bảo đảm, Ban quản lý xây dựng NTM xã chủ động thống nhất các cơ quan chuyên môn thị xã khảo sát, lập hồ sơ từng dự án, kiến nghị cấp trên đầu tư. Đối với đường ngõ xóm, liên gia: Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM xã phát động và đăng ký tuyến đường để vận động nhân dân đóng góp 100% cứng hóa với kết cấu bằng đá 0/4, sỏi đỏ.

+ Cách làm cụ thể: trước khi tổ chức triển khai, tiến hành khảo sát thực tế tuyến đường cần thực hiện, lập danh sách các hộ dân khu vực tuyến đường, phân loại hoàn cảnh kinh tế từng hộ để định hướng vận động, mỗi tuyến đường lập từ 1 đến 2 phương án về kết cấu mặt đường để nhân dân lựa chọn phương án thực hiện; tổ chức họp dân, nêu rõ ý nghĩa, mục đích, trình bày dự toán theo từng phương án, đưa ra định mức đóng góp bình quân, trên cơ sở đó nhân dân bàn bạc và thống nhất tự mình nêu lên mức đóng góp tại cuộc họp (tinh thần tự nguyện); khi kinh phí đóng góp bảo đảm đủ thực hiện.

+ Khi thi công huy động nhân dân khu vực tuyến trực tiếp thực hiện, trường hợp nhân lực không đảm bảo, xã sẽ huy động thêm hội viên, đoàn viên hoặc lực lượng dân quân, tuần tra hỗ trợ ngày công trên công trình. Khi hoàn thành công trình, tiến hành họp công khai cụ thể mức đóng góp của công trình đó, theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, không thực hiện thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách.

***- Khối lượng thực hiện:*** Đã thi công nhựa hóa, bê tông xi măng, sỏi đỏ, nâng cấp cứng hóa 49/49 tuyến đường dài 64,10km/64,10km và 27 công trình cầu chiều dài 472m, với tổng kinh phí 103.882,3 triệu đồng. Trong đó vận động nhân dân đóng góp 10.237,3 triệu đồng. Kết quả đến nay so với tiêu chí quy định cụ thể như sau:

 - Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện tổng số 05 tuyến, chiều dài 14,32km. Đã láng nhựa 05 tuyến 14,32km/14,32km đạt 100%.

- Đường trục ấp, liên ấp tổng số 8 tuyến chiều dài 6,34 km. Đã cứng hóa 8/8 tuyến chiều dài 6,34 km/6,34 km đạt 100% *(cụ thể: Láng nhựa 04 tuyến dài 3,24 km, nâng cấp sỏi đỏ 01 tuyến dài 01 km, phún đá dăm 3 tuyến dài 2.10 km).*

- Đường ngõ, xóm (đường dân sinh) sạch, không lầy lội vào mùa mưa tổng số 15 tuyến, chiều dài 6,52 km được cứng hóa 15/15 tuyến, 6,52 km/6,52 km đạt 100% *(cụ thể: Láng nhựa 10 tuyến dài 4,29 km, bê tông xi măng 01 tuyến dài 0.25 km, nâng cấp phún sỏi đỏ 04 tuyến dài 2,0 km).*

- Đường trục chính nội đồng tổng số 21 tuyến, chiều dài 36,92km. Đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm, đạt 100% . Trong đó cứng hóa 19 tuyến, chiều dài 33,52km/36,92 km đạt 90,79% (*cụ thể: Láng nhựa 02 tuyến chiều dài 1,56 km; bê tông xi măng 01 tuyến dài 0,65 km; phún đá dăm 01 tuyến chiều dài 2,90 km; nâng cấp phún sỏi đỏ 15 tuyến dài 28,42 km, phún đá 04, 03 tuyến dài 6.3km).*

**c. Tổng mức đầu tư là:** 103.882,3 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 972 triệu đồng

+ Ngân sách tỉnh: 51.932,20 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện: 40.740,80 triệu đồng.

+ Doanh nghiệp: 3.472,9 triệu đồng

+ Nhân dân đóng góp: 6.764,9 triệu đồng.

***d. Kết quả thẩm tra:***

- Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, tạo ra diện mạo mới cho vùng nông thôn, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển, đáp ứng yêu cầu tiêu chí về giao thông trong xây dựng NTM.

- So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 2 về giao thông: Đạt.

 **2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi**

 ***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu như sau***:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung đã thực hiện:***

 Xác định hệ thống thủy lợi là một trong những điều kiện quan trọng, phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

 Hằng năm, bộ máy phòng chống thiên tai trên địa bàn xã đều được kiện toàn đảm bảo công tác lãnh đạo chỉ đạo toàn diện theo sự chỉ đạo của thị xã. Lực lượng phục vụ công tác PCTT và TKCN được thống kê và lập danh sách tới từng cá nhân và được cập nhật thường xuyên đảm bảo tính chủ động, linh hoạt.

 Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả.

 Cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phục vụ phòng chống thiên tai.

***- Khối lượng thực hiện***

***\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động***

Diện tích gieo trồng cả năm cần được tưới là 10.466 ha. Trong đó, diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới là 8.932,74 ha đạt 85,34%.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 4.145,70 ha/4.817,96 ha đạt 86,05%.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động 13,02/13,02 ha đạt 100%.

***\* Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.***

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND xã Phước Chỉ về việc kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Phước Chỉ năm 2020; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc phân công nhiệm vụ Thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Phước Chỉ; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 về việc thành lập đội xung kích sẵn sàng ứng phó tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi có thiên tai trên địa bàn xã Phước Chỉ năm 2020; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc ban hành kế hoạch PCTT giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND xã Phước Chỉ về việc ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn xã;

- Xã có 9 cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai.

- Trên địa bàn xã có 12 cụm loa ở 12 ấp đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ về các thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai.

- Các công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra và bảo vệ, đến nay chưa phát hiện hành vi vi phạm.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:* 89.952,6 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 50.731 triệu đồng

+ Nhân dân đóng góp: 39.222 triệu đồng.

***d. Kết quả thẩm tra:***

**-** Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động trên 80% và đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

- So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 3 về thủy lợi: Đạt, được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định đạt tại Công văn số 4115/SNN-CCTL ngày 05/11/2020.

 **2.4. Tiêu chí số 4 về Điện**

 ***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu sau:***

- Hệ thống điện đạt chuẩn

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn, đạt ≥ 99%

 **b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

***- Các nội đã thực hiện:***

Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động và có chính sách hỗ trợ hộ dân sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, cụ thể thay thế bóng đèn dây tóc bằng huỳnh quang, cách thức sử dụng thiết bị tiết kiệm điện hộ gia đình, hưởng ứng phong trào tiết kiệm điện “giờ trái đất” do ngành phát động, xây dựng ấp văn hóa tiết kiệm điện.

***- Khối lượng thực hiện:***

- Hệ thống điện luôn được quan tâm cải tạo, đầu tư phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt ở nông thôn. Hệ thống điện được nâng cấp từ 2011 đến nay phù hợp theo quy định Bộ Công Thương và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện lực, gồm dây trung thế dài 27.124,30 km, hạ thế 38.278,50 km; tổng công suất 4.080 KVA.

- Vận động nhân dân đóng góp thực hiện chương trình thắp sáng đường quê được 18,8 km đường giao thông nông thôn, với tổng kinh phí thực hiện là 304,5 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100% (2.678*/2.678 hộ*).

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:* 25.437 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn doanh nghiệp: 25.000 triệu đồng

+ Nhân dân đóng góp: 437 triệu đồng.

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 4 về điện: Đạt, được Sở Công thương thẩm định đạt tại Công văn số 2581/SCT-QLTM ngày 02/11/2020.

**2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

- Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:***

+ Khi triển khai thực hiện tiêu chí trường học trên địa bàn xã có 07 trường: 01 trường THCS, 01 trường mẫu giáo, 05 trường tiểu học.

 + Việc triển khai thực hiện tiêu chí trường học là một tiêu chí quan trọng, một mặt đòi hỏi ngân sách Nhà nước phải đầu tư với nguồn kinh phí lớn, mặt khác địa phương phải có quỹ đất công bảo đảm về diện tích.

***- Khối lượng thực hiện:*** Đầu tư xây dựng trường Mẫu Giáo Phước Chỉ, trường tiểu học Phước Chỉ, trường THCS Phước Chỉ đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo mỗi cấp trường có 01 trường đạt chuẩn nông thôn mới.

***c. Tổng kinh phí:*****27.945 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 27.583 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 362 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 5 về trường học: Đạt.

**2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 03 chỉ tiêu sau:***

-Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã

-Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

-Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Năm 2009 được cấp trên đầu tư xây dựng TT-VTTT-HTCĐ Hội trường 250 chỗ ngồi; năm 2004 cải tạo, sửa chữa TTVH TTHTCĐ và 5 phòng chức năng và đầu tư xây dựng, sữa chữa 09 Nhà văn hóa ấp (*có 03 ấp sinh hoạt ghép*) đạt quy chuẩn NTM. Các khu thể thao ấp sử dụng lồng ghép các sân của trường Tiểu học, THCS, sân chơi bóng đá mini hiện có của tư nhân ... nhằm đáp ứng nhu cầu thể thao, vui chơi giải trí của người dân trên địa bàn.

- Song song với xây dựng cơ sở vật chất văn hóa đáp ứng theo quy chuẩn, UBND xã kiện toàn lại tổ chức bộ máy hoạt động của Trung tâm, thành lập các Ban Chủ nhiệm Nhà văn hóa ấp, tổ chức nhiều hoạt động diễn ra thường xuyên như: tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động thư viện, câu lạc bộ, tập huấn các lớp khuyến nông, khuyến ngư, đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn…bước đầu đã tạo được sân chơi chính, môi trường học tập cộng đồng, giải quyết cơ bản nhu cầu giải trí của người dân địa phương.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:* 3.434 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 3.334 triệu đồng

+ Vốn dân: 100 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 6 về cơ sở vật chất văn hóa: Đạt, được Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch thẩm định đạt tại Công văn số 1659/SVHTTDL-QLVH ngày 15/09/2020.

**2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

Trên địa bàn xã không có chợ nên chỉ đánh giá cửa hàng tạp hóa kinh doanh tổng hợp đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân tại địa phương đạt chuẩn quy định. Hiện nay trên địa bàn xã có 04 cửa hàng tạp hóa kinh doanh tổng hợp đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, cụ thể như sau:

- Các cửa hàng đều có bảng hiệu thể hiện, có địa chỉ và số điện thoại liên hệ với người quản lý.

- Có quy định thời gian mở cửa phù hợp việc mua sắm hàng ngày của người dân.

- Diện tích kinh doanh trên 50 m2 và có nơi để xe cho khách hàng ghé mua sắm.

- Danh mục hàng hóa đa dạng, đạt từ 200 mặt hàng trở lên.

- Quầy bán hàng và khu vực trưng bày hàng hóa nông sản phù hợp cho việc mua sắm của người dân.

- Công trình kiến trúc xây dựng kiên cố, đảm bảo phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn, thuận tiện cho khách hàng.

- Có các trang thiết bị cần thiết để bảo quản hàng hóa và đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng.

- Hàng hóa được tổ chức, bố trí văn minh khoa học thuận tiện cho khách hàng lựa chọn, mua sắm và thanh toán.

- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

***c. . Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt, được Sở Công thương thẩm định đạt tại Công văn số 2060/SCT-QLTM ngày 03/11/2020.

**2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 04 chỉ tiêu sau***:

-Xã có điểm phục vụ bưu chính

-Xã có dịch vụ viễn thông, internet

-Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

-Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Trên địa bàn xã hiện có 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, dịch vụ, chất lượng dịch vụ tại điểm phục vụ.

- Tất cả các ấp trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất và trên mạng viễn thông Di động mặt đất. Có hai loại dịch vụ truy nhập internet băng thông rộng cố định mặt đất và trên mạng viễn thông di động mặt đất.

- Có Đài truyền thanh hữu tuyến và vô tuyến được thiết lập đáp ứng các quy định về thiết bị truyền thanh phát xạ vô tuyến điện tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Trang bị 24 cụm cho 12 ấp trên địa bàn xã đạt 100%.

- Có hệ thống loa đáp ứng quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành được thực hiện đồng bộ tại UBND xã, thông tin hoạt động của xã được cập nhật trên cổng Thông tin điện tử thị xã đảm bảo theo các tiêu chí.

***c. Tổng kinh phí:*****450 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 350 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 100 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 8 về thông tin và truyền thông: Đạt.

**2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu sau:***

-Nhà tạm, dột nát: không

-Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng đạt ≥ 90%

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:*** Xác định tiêu chí nhà ở dân cư là một trong những tiêu chí khó thực hiện, một mặt đòi hỏi địa phương phải thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở của hộ mình, đồng thời tích cực vận động các doanh nghiệp, mạnh thường quân, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây dựng: nhà tình nghĩa, đại đoàn kết; đồng thời địa phương chủ động khảo sát để kịp thời hỗ trợ nhà ở cho đối tượng thuộc diện khó khăn nhằm xóa 100% căn nhà tạm.

***- Khối lượng thực hiện:*** Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 2.678 căn, diện tích xây dựng bình quân khoảng 100m2/căn, trong đó có khoảng 10% nhà cấp 2, cấp 3, còn lại hầu hết là nhà cấp 4 (tường gạch, mái tole, ngói). Qua 10 năm thực hiện tiêu chí, đến nay trên địa bàn xã đã xây dựng mới 74 căn nhà tình nghĩa, 104 căn nhà đại đoàn kết, không còn nhà tạm, nhà dột nát. Có 2.603 căn nhà đạt tiêu chuẩn 3 cứng gồm: mái cứng, khung - tường cứng, nền cứng; niên hạn sử dụng từ 20 năm, diện tích bảo đảm 14m2/người, chiếm tỷ lệ 97,20% tổng số nhà ở dân cư.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:* 6.128 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn doanh nghiệp: 5.058 triệu đồng

+ Vốn dân: 1.070 triệu đồng.

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 9 về nhà ở dân cư: Đạt, được Sở Xây dựng thẩm định đạt tại Công văn số 3337/SXD-QHPTĐT ngày 14/10/2020.

**2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

-Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 đạt ≥59 triệu đồng/năm

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung đã thực hiện:*** Xác định tiêu chí thu nhập là một tiêu chí khó và quan trọng nhất trong các tiêu chí xây dựng NTM, trong những năm qua địa phương đã tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, chương trình, dự án nhằm phát triển kinh tế hộ, nâng cao thu nhập, mức sống của nhân dân, cụ thể như sau:

+ Phối hợp ngành nông nghiệp định hướng, vận động nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả theo Đề án cơ cấu lại nông nghiệp của tỉnh và Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại nông nghiệp của huyện (nay là thị xã) như: Mô hình chăn nuôi bò cho hộ nghèo; mô hình lúa chất lượng cao tại ấp Phước Bình; hỗ trợ bò sinh sản, máy phun thuốc sâu thuộc chương trình 135... Tổ chức hội thảo về phòng trừ sâu bệnh trên cây lúa, cây ăn trái, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.

+ Hội nông dân với phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo. Hội liên hiệp Phụ nữ có mô hình phụ nữ tiết kiệm, tăng gia sản xuất và góp vốn xoay vòng....tạo điều kiện nâng cao cuộc sống.

Qua quá trình triển khai thực hiện phát triển sản xuất nông nghiệp đã tạo ra sự chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có quy mô; làm thay đổi cách nghĩ, tập quán canh tác, nhiều tiến bộ KHKT được ứng dụng vào sản xuất, góp phần tạo giá trị gia tăng, cải thiện đời sống người dân.

***- Khối lượng thực hiện:*** Phối hợp ngành nông nghiệp định hướng, vận động nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả theo Đề án cơ cấu lại nông nghiệp của tỉnh và Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại nông nghiệp của huyện (nay là thị xã) như: mô hình liên kết 4 nhà trên cây lúa, mô hình cánh đồng lớn theo hướng VietGAP trên cây lúa, mô hình nuôi trồng thủy sản...Qua đó đã xây dựng được các mô hình sản xuất có hiệu quả, các mô hình này đã giải quyết cho lao động tại chỗ, tạo nguồn thu nhập cho nông dân. Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp lân cận trên địa bàn thị xã đã giải quyết được việc làm cho người dân trên địa bàn khoảng 4.500 lao động từ đó nâng cao thu nhập cho người dân.

Qua kết quả điều tra năm 2020: Thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn xã là 59,2 triệu đồng/người/năm.

***c. Tổng kinh phí:*****145.580 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 5.345 triệu đồng

+ Vốn tín dụng: 134.890 triệu đồng

+ Vốn dân: 5.345 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 10 về thu nhập: Đạt.

**2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

-Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 phải nhỏ hơn hoặc bằng 1%.

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:*** Xác định tầm quan trọng trong thực hiện chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước ta. Hàng năm UBND xã củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo giảm nghèo của xã; tham mưu Đảng ủy, HĐND xã đề ra Nghị quyết, chỉ tiêu giảm nghèo; phân công, phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp như: vận đồng quỹ “Vì người nghèo”, chăm lo về nhà ở, chăm sóc sức khỏe, giới thiệu tạo việc làm, thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, các chương trình, dự án vay vốn giải quyết việc làm, … và thực hiện kịp thời các chế độ chính sách theo quy định.

***- Khối lượng thực hiện****:* Hiện nay trên địa bàn xã có 12 hộ nghèo chiếm 0.44%. (Trong đó có 6 hộ đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội, 3 hộ đang xét chuyển qua cận nghèo, 3 hộ thoát nghèo)

***c. Tổng kinh phí:*****33.000 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 3.000 triệu đồng

+ Vốn tín dụng: 30.000 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 11 về hộ nghèo: Đạt.

**2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

-Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động ≥ 90%

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:***

+ Tập trung tạo việc làm gắn với phát triển KT-XH của địa phương. Đây là giải pháp chính, quan trọng để tạo việc làm tại chỗ cho người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, thông qua việc đào tạo các ngành nghề lĩnh vực nông nghiệp, mục đích cập nhật, bổ sung thông tin kỹ thuật cho người nông dân gắn hỗ trợ vốn, hướng dẫn cách làm ăn, duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm thường xuyên cho lao động nông thôn.

+ Phối hợp tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện lao động địa phương, nhất là đối tượng thanh niên tham gia làm công nhân tại các khu, cụm công nghiệp lân cận, có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Song song đó, khuyến khích lao động chuyển đổi sang ngành nghề phi nông nghiệp, phát triển kinh tế hộ.

***- Khối lượng thực hiện:***

**+** Qua 10 năm tập trung cho công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người dân trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên từ các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp, làm công nhân tại công ty Việt Nam Mộc Bài, Khu công nghiệp Thành Thành Công, khu công nghiệp Trảng Bàng, khu chế xuất Linh Trung III và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

+ Dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 6.093 lao động

+ Số người có việc làm trong độ tuổi lao động là 5.591/6.093, đạt tỷ lệ 95.04%.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:*** 2.000 triệu đồng (Vốn tín dụng).

***d. Kết quả thẩm tra:***

***-***  Kết quả cho thấy hầu hết những người có đủ điều kiện lao động (tuổi, sức khỏe) đều có việc làm thường xuyên, một số người trong độ tuổi không lao động vì nguyên nhân sức khỏe, đang học tập. Kết quả tạo việc làm thường xuyên đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tạo được việc làm mới cho người lao động, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; giảm tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp; tạo việc làm cho lao động nông thôn trong lúc nông nhàn, tăng thu nhập, tăng quỹ thời gian sử dụng lao động trong nông thôn.

- So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 12 về lao động có việc làm: Đạt.

**2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu sau:***

-Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012

-Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững

***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Các nội dung, giải pháp đã thực hiện:***

+ Thời gian qua địa phương phối hợp tổ chức nhiều cuộc hội thảo và triển khai thực hiện nhiều mô hình, kết quả đã xây dựng 01 Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Phước Bình. Quá trình triển khai, UBND xã hỗ trợ việc xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án kinh doanh.

+ Hoạt động tổ hợp tác và hợp tác xã được duy trì, ngày càng có hiệu quả, phần lớn là do sự hỗ trợ từ Nhà nước và sự nỗ lực hợp tác của hầu hết nông dân địa phương.

 ***- Khối lượng thực hiện:***

+ Hợp tác xã DVNN Phước Bình được thành lập năm 2018 được tổ chức, hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, gồm có 30 thành viên với vốn điều lệ 30.000.000 đồng; Hợp tác xã với dịch vụ sản xuất giống lúa xác nhận; dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp và dịch vụ đầu mối bao tiêu nông sản cho thành viên HTX.

+ Hợp tác xã sản xuất lúa với các chủng loại như: Đài thơm 8, OM 5451, nếp, OM18, Hương Cửu Long, ST24 cung cấp cho HTX sản xuất nông nghiệp thanh niên Phước Chỉ và Công ty TNHH MTV SX TM - DV Vương Kim Huệ, Công ty TNHH Agrifood, Công ty Xanh và Xanh. Nhờ tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật sau khi được tập huấn, nên chi phí đầu tư chăm sóc ban đầu giảm xuống, từ đó thu nhập tăng lên đáng kể góp phần nâng cao đời sống cho Tổ viên.

***c. Tổng kinh phí:*****500 triệuđồng** (Vốn tín dụng)..

***d. Kết quả thẩm tra:***  So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất: Đạt, được Liên minh Hợp tác xã tỉnh thẩm định đạt tại Công văn số 337/LMHTX-CSPT ngày 02/11/2018.

**2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục**

 ***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 03 chỉ tiêu sau:***

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) ≥ 90%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo ≥ 45%

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

**-** Xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS.

**-** Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học Trung học phổ thông, bổ túc, học nghề là 122/135 học sinh đạt 90.37%.

 **-** Tỷ lệ lao động qua đào tạo hiện nay 1.329/2.654 người, đạt tỷ lệ 50.08%**.**

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:*** 765 triệu đồng *(vốn Trung ương).*

***d. Kết quả thẩm tra:***  So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 14 về giáo dục: Đạt.

**2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 03 chỉ tiêu sau:***

-Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế ≥85%

-Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

-Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 14.3%

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

 ***- Các nội dung, giải pháp thực hiện:***

***+*** Thời gian qua, y tế xã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân, cùng với công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng. Kịp thời đáp ứng việc khám và chữa bệnh thông thường, chăm sóc sức khỏe trẻ em, sức khỏe sinh sản và tổ chức sơ cấp cứu bệnh nhân nặng trước khi chuyển lên tuyến trên. Trạm được trang bị dụng cụ y tế bảo đảm theo chuẩn Quốc gia về y tế xã quy định.

+ Việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được, trẻ em dưới 6 tuổi đảm bảo. Bên cạnh đó thực hiện tốt các chính sách khám bệnh bảo hiểm y tế cho đối tượng chính sách và người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; vận động nhân dân dùng muối I-ốt; tạo điều kiện sử dụng nước hợp vệ sinh, nhà tắm, hố xí. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng chuyên môn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và tăng cường giáo dục y đức cho cán bộ y tế. Tổ chức các đoàn đến hộ dân vận động, mở các đại lý BHYT trong địa bàn từng ấp, thường xuyên vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế bằng nhiều hình thức.

 ***- Khối lượng thực hiện:***

Số người tham gia Bảo hiểm y tế là 9.515 người/10.428 người, đạt 91,24% (nguồn BHXH cung cấp đến thời điểm 30/09/2020).

Năm 2017 Trạm Y tế xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi đến tháng 10/2020: đạt 14,15% (69 trẻ/693 trẻ)

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:*** 6.789 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách tỉnh: 4.658 triệu đồng (hổ trợ mua bảo hiểm y tế cho người nghèo cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi).

 + Vốn vận động từ các nguồn khác (người dân tự tham gia BHYT tự nguyện…): 2.131 triệu đồng.

***d. Kết quả thẩm tra:***  So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 15 về Y tế: Đạt.

 **2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 01 chỉ tiêu sau:***

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định ≥70%

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

**-** Có11 ấp đạt danh hiệu ấp Văn hóa đạt 91,67% (*Bộ tiêu chí quy định ≥ 70%)* và 11/12 ấp giữ vững danh hiệu trong 5 năm; có Quyết định công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.

***c. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí 16 về văn hóa: Đạt, được Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch thẩm định đạt tại Công văn số 1659/SVHTTDL-QLVH ngày 15/09/2020.

**2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 8 chỉ tiêu sau:***

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh (≥98%) và nước sạch (≥65%) theo quy định.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (đạt 100%)

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh-sạch-đẹp, an toàn

- Mai tang phù hợp với quy định và theo quy hoạch

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 03 sạch (đạt ≥ 90%)

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (đạt ≥ 80%)

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đạt 100%)

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh: đạt 98,50% (2.638/2.678 hộ) và tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia: đạt 67,80% (1.816/2.678hộ theo kết quả kiểm nghiệm của Trung tâm quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn).

- Trên địa bàn xã có 23 cơ sở sản xuất kinh doanh, hiện nay các sở đang hoạt động ổn định và thực hiện đúng theo hồ sơ môi trường đã phê duyệt. Không có cơ sở nào bị khiếu nại hoặc phản ánh từ người dân sung quanh.

- Tổng số hộ trên địa bàn xã là 2.678 hộ, số hộ có vườn tập là 2.017 chiếm 75,30%. Qua các đợt tuyên tuyền đến nay có 2.017 hộ/2.017 hộ thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ không lầy lội đạt tỷ lệ 100% và không có hoạt động làm suy giảm môi trường và đã thành lập 12 tổ tự quản bảo vệ môi trường.

- UBND xã đã tiến hành cắm mốc các khu nghĩa địa ở các ấp và tiếp tục thực hiện chủ trương không chôn cất người chết trong khu dân cư và vận động nhân dân di dời mồ mả trong khu dân cư về nghĩa địa tập trung. UBND xã đã quy hoạch 01 khu nghĩa địa tập trung tại ấp Phước Hòa, UBND xã đã ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý nghĩa địa xã và ban hành quy chế quản lý và sử dụng nghĩa địa trên địa bàn xã. Quy định về thời gian mai táng hình thức mai tán đã được mọi người đồng tình thống nhất thực hiện theo quy ước khu dân cư hàng năm đề ra.

- Hiện tại UBND xã Phước Chỉ đã xây dựng điểm chứa rác tạm thời tại ấp Phước Hưng; Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt khu dân cư 4,6 tấn/ngày đạt tỷ lệ 77,41% (3,6tấn/4,65 tấn/ngày), chủ yếu tập trung ở các tuyến đường chính như Hương lộ 8, đường 786 và tuyến đường 10m, lượng rác thải ở các tuyến đường còn lại do nằm trong vùng sâu chưa có đội vệ sinh công ích đến tận nơi thu gom do đó người dân tự xử lý bằng cách thu gom rác sinh hoạt lại ủ làm phân bón, một số ít xử lý bằng cách đốt. Tỷ lệ thu gom rác thải của các cơ sở đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ nước thải có xử lý tại hộ gia đình được thu gom của khu dân cư tập trung 17,36m3/ngày, đạt 100%; của khu dân cư không tập trung 729,76m3/ngày, đạt 100%; Tỷ lệ nước thải của cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm có biện pháp thu gom xử lý đạt 100%.

- Có 2.450/2.678 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 91,49%.

- Qua kết quả điều tra, khảo sát tổng số hộ có chuồng trại chăn nuôi trên địa bàn xã có 265 hộ/ 326 hộ có chuồng trại hợp vệ sinh đạt 81,29% *(trong 326 hộ chăn nuôi có: 324 hộ có cam kết bảo vệ môi trường và 2 hộ có kế hoạch bảo vệ môi trường)*.

- Hiện trên địa bàn xã có 1.076 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, trong đó số cơ sở thuộc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm 17 cơ sở, số cơ sở thuộc diện ký cam kết an toàn thực phầm 1.059, tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đạt 100%.

***c. Tổng kinh phí đã thực hiện:* 3.882 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 1.899 triệu đồng

+ Vốn doanh nghiệp: 983 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới: tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: Đạt, được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định đạt chỉ tiêu 17.1 tại Công văn số 4007/SNN-TTNS ngày 29/10/2020; Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định đạt chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.5 tại Thông báo số 3185/TB-STNMTngày 22/05/2020; Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch thẩm định đạt chỉ tiêu 17.4 tại Công văn số 1659/SVHTTDL-QLVH ngày 15/09/2020; Sở nông nghiệp và PTNT thẩm định đạt chỉ tiêu 17.7 tại Báo cáo số 394/BC-SNN ngày 09/11/200.

**2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 06 chỉ tiêu sau:***

-Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

-Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định

-Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"

-Tổ chức chính trị- xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên

-Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

-Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***\* Các nội dung, giải pháp thực hiện:***

+ Hàng năm trên cơ sở thực trạng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ xã; đảng ủy có nghị quyết lãnh đạo, UBND xã có kế hoạch triển khai thực hiện. Kết quả đến nay có 10/11 công chức xã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước ngạch đang hưởng (còn 01 công chức đã có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng chức danh theo Đề án 1956).

+ Hệ thống chính trị cơ sở bảo đảm đủ các tổ chức, hằng năm Đảng ủy triển khai Nghị quyết lãnh đạo hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ, các tổ chức bao gồm: Tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội được thị xã đánh giá xếp loại loại mạnh và xuất sắc; Thị ủy đánh giá kết quả Đảng bộ xã giữ vững danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” theo quy định.

***\* Khối lượng thực hiện:***

- Cán bộ công chức xã đạt chuẩn: Các cán bộ, công chức xã luôn bảo đảm đủ các tiêu chuẩn chung theo quy định tại Điều 3 Nghị định 112/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và Điều 3 Quyết định 04/2011/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức, xã, phường, thị trấn. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng đều được thực hiện xuyên suốt để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ công chức. Tổng cán bộ, công chức của xã là 22 người. Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 2 người / 22người chiếm 9.09%. Đại học 17 người/22 người, chiếm 77.27%; Trung cấp 03 người/22 người, chiếm 13.63% Về lý luận chính trị: Cao cấp chính trị 5 người/22 người, chiếm 22.72%; Trung cấp chính trị 13 người/22 người, chiếm 59.09%; Sơ cấp chính trị 01 người/22 người, chiếm 4.54%.

- Thành lập đủ các tổ chức hệ thống chính trị theo quy định: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh.

- Năm 2019, Huyện ủy (nay là Thị ủy) xếp loại Đảng bộ xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, UBND huyện (nay là Thị xã) xếp loại UBND xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Năm 2019, các tổ chức chính trị xã hội được các ngành cấp trên xếp loại khá trở lên.

- Xã thường xuyên tuyên truyền cho người dân về các chính sách, pháp luật trên mọi thông tin đại chúng và ở Trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa đều có tủ sách pháp luật để người dân nghe, đọc tìm hiểu tiếp cận với chính sách pháp luật phục vụ trong đời sống xã hội.

- Luôn đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, dần dần nâng cao nhận thức cho mọi người nhằm xóa bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ và các hành vi phân biệt đối xử về giới tính. Đồng thời, triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình với nhiều hình thức như: Hội thi, hội diễn, tuyên truyền, phổ biến ... nhằm tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân; từng bước phát huy giá trị, truyền thống quý báu, tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, gìn giữ và phát huy những chuẩn mực của gia đình nhằm góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc.

***c. Kết quả thẩm tra:***  So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới thì hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Đạt, được Sở Tư pháp thẩm định đạt chỉ tiêu 18.5 tại Công văn số 1916/STP-PBGDPL ngày 12/08/2020.

**2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

***a. Yêu cầu của tiêu chí gồm 02 chỉ tiêu sau:***

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước

 ***b. Kết quả thực hiện tiêu chí:***

***- Về quốc phòng:***

+ Hằng năm thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ để sẳn sàng chiến đấu và bảo vệ địa phương được ổn định.

+ Thực hiện rất tốt công tác xây dựng kế hoạch đảm bảo tốt công tác quân sự. Hội đồng nghĩa vụ quân sự, giáo dục quốc phòng an ninh được kiện toàn hàng năm.

+ Chỉ tiêu tuyển nghĩa vụ quân sự, quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự đạt 100%.

+ Duy trì hoạt động có nề nếp, có chất lượng và hiệu quả như: Đăng ký nghĩa vụ quân sự đối với công dân trong độ tuổi dân quân; xây dựng lực lượng dân quân xã, hàng năm tổ chức luân phiên theo kế hoạch của UBND thị xã và đề án xây dựng lực lượng Dân quân; đảm bảo chất lượng, đủ số lượng tổ chức biên chế đúng, đủ thành phần quy định để sẳn sàng chiến đấu và bảo vệ địa phương. Qua đó, hàng năm xã đều hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, huy động huấn luyện dự bị động viên đảm bảo chỉ tiêu; lực lượng dân quân nòng cốt xã được xây dựng, kiện toàn, việc sắp xếp, tổ chức huấn luyện dân quân có chất lượng, đúng nội dung, thời gian…

+ Xây dựng kế hoạch chiến đấu phòng thủ, huy động lực lượng dân quân tham gia sẵn sàng ứng trực chiến đấu khi được điều động…

***- Về An ninh:***

+ Hàng năm Đảng ủy có Nghị quyết lãnh đạo, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp, nghiệp vụ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tổ chức tốt phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; Mặt trận Tổ quốc thực hiện diễn đàn “*Công an lắng nghe ý kiến của nhân dân*”. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm có sơ tổng kết đánh giá kết quả đạt được, rút ra những kinh nghiệm và đề ra phương hướng trong thời gian tới. Phong trào bảo vệ ANTQ của xã hàng năm được Công an huyện (nay là thị xã) xếp loại khá trở lên.

+ Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nội dung của Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an cho doanh nghiệp, trường học và nhân dân, tổ chức cho các khu dân cư ký kết giao ước thi đua đảm bảo an ninh trật tự theo tiêu chí NTM, xây dựng khu dân cư an toàn về phòng cháy chữa cháy. Củng cố lực lượng Công an, 13 đội tuần tra nhân dân, 79 tổ dân cư tự quản đảm bảo về số lượng, hoạt động có chất lượng; thực hiện đúng và kịp thời các chế độ, chính sách cho lực lượng nhằm phát huy tinh thần lực lượng Công an, Quân sự thực hiện tốt công tác phối hợp tuần tra truy quét, trực sẵn sàng chiến đấu, kịp thời giải quyết những tình huống xảy ra, bảo đảm an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội, ổn định địa bàn.

+ Không có khiếu kiện đông người kéo dài, không có khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật như: lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường, quản lý sử dụng đất đai… gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

+ Không xảy ra các vụ án hình sự về tội phạm giết người, tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; tội phạm giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác; tội phạm hiếp dâm; tội phạm hiếp dâm trẻ em; tội phạm cưỡng dâm; tội phạm cưỡng dâm trẻ em; tội phạm cướp tài sản; tội phạm bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; tội phạm cưỡng đoạt tài sản.

+ Năm 2019 các loại tội phạm như tệ nạn xã hội (*Ma tuý, trộm cắp, cờ bạc…*) và các hành vi vi phạm pháp luật khác điều được kiềm chế, giảm so với năm trước.

+ Có 12/12 ấp (100%) được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

+ Năm 2019 Công an xã được công nhận đơn vị tiên tiến.

***c. Tổng kinh phí:*****22.624 triệuđồng**, trong đó:

+ Vốn ngân sách: 22.529 triệu đồng

+ Doanh nghiệp: 40 triệu đồng

+ Dân: 55 triệu đồng

***d. Kết quả thẩm tra:*** So sánh với Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh:Đạt,

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

Sau 10 năm thực hiện, với sự tập trung chỉ đạo của cả hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hiện nay xã Phước Chỉ không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC**

***Tổng kinh phí đã thực hiện***: 468.629,6 triệu đồng, *Cụ thể như sau:*

- Vốn ngân sách: 209.247,7 triệu đồng chiếm 44,65%. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 7.217 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 159.932,9 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện: 42.090,8 triệu đồng.

+ Ngân sách xã: 7 triệu đồng.

 - Tín dụng, Dự án: 167.390 triệu đồng chiếm 35,72%.

- Vốn huy động Doanh nghiệp, TCXH, TPKT: 35.998,8 triệu đồng chiếm 7,68%.

- Vốn huy động Nhân dân đóng góp và con em xa quê, từ thiện: 11,31 triệu đồng chiếm 7,47%.

**III. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Hồ sơ đầy đủ, đúng quy định tại Điều 8 Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Phước Chỉ đã được Ban chỉ đạo các chương trình MTQG thị xã Trảng Bàng thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm báo cáo là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

Xã Phước Chỉ không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

 **V. KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020, Đoàn thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới tỉnh Tây Ninh xem xét, thẩm định, công nhận xã Phước Chỉ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND tỉnh;- Sở Nông nghiệp và PTNT;- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;- Thường trực thị uỷ;- Thường trực HĐND thị xã;- Chủ tịch, các PCT HĐND và UBND thị xã;- Thành viên Ban chỉ đạo thị xã;- CVP, PCVP HĐND và UBND thị xã;- Lưu: VT. | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****HÀ MINH DẢO** |